

## CHƯƠNG 6: CÁC THÌ HAY GẶP TRONG TOEIC VÀ THỂ BỊ ĐỘNG

THÌ	THỂ CHỦ ĐỘNG	THỂ BỊ ĐỘNG	TỪ NHẬN BIẾT CÁC THÌ
1. Hiện tại đơn	<b>Vo/s/es</b>	<b>AM/ IS/ ARE+ P.P</b>	Always, often, usually, every day,
	Non <u>writes</u> a letter.	A letter <u>is written</u> by Non.	
2. Quá khứ đơn	<b>V-ed/2</b>	<b>WAS/ WERE+ P.P</b>	Yesterday, last week/ month/ year, ago, in 2000...
	Non <u>wrote</u> a letter yesterday.	A letter <u>was written</u> (by Non) yesterday.	
3. Tương lai đơn	<b>WILL+ Vo</b>	<b>WILL BE+ P.P</b>	
	Non <u>will write</u> a letter.	A letter <u>will be written</u> by Non.	
4. Hiện tại tiếp diễn	<b>AM/ IS/ ARE+ V-ING</b>	<b>AM/ IS/ ARE+ BEING+ P.P</b>	Now, right now, at present, at the moment, be quiet!...
	Non <u>is writing</u> a letter now.	A letter <u>is being written</u> by Non now.	
5. Quá khứ tiếp diễn	<b>WAS/ WERE+ V-ING</b>	<b>WAS/ WERE+ BEING+ P.P</b>	While, at 10p.m last night...
	Non <u>was writing</u> a letter at 10 a.m yesterday.	A letter <u>was being written</u> (by Non) at 10 a.m yesterday.	
6. Tương lai tiếp diễn	<b>WILL BE+ V-ING</b>	<b>WILL BE+ BEING+ P.P</b>	Next week/ year, soon, in the future...
	Non <u>will be writing</u> a letter soon.	A letter <u>will be being written</u> (by Non) soon.	
7. Hiện tại hoàn thành	<b>HAVE/ HAS+ P.P</b>	<b>HAVE/ HAS+ BEEN+ P.P</b>	Not...yet, already, since, for, recently...
	Non <u>has written</u> a letter.	A letter <u>has been written</u> (by Non).	
8. Quá khứ hoàn thành	<b>HAD+ P.P</b>	<b>HAD BEEN+ P.P</b>	As soon as, after, before, by the time, when, just, since, for...
	Non <u>had written</u> a letter before 10 p.m yesterday.	A letter <u>had been written</u> (by Non) before 10 p.m yesterday.	
9. Tương lai hoàn thành	<b>WILL HAVE+ P.P</b>	<b>WILL HAVE BEEN+ P.P</b>	
	Non <u>will have written</u> a letter.	A letter <u>will have been written</u> (by Non).	
10. Tương lai gần	<b>AM/ IS/ ARE+ GOING TO+ Vo</b>	<b>AM/ IS/ ARE+ GOING TO BE+ P.P</b>	

	Non <i>is going to write</i> a letter.	A letter <i>is going to be written</i> (by Non).	
11. Động từ khiếm khuyết	<b>CAN/ MAY/ MUST/ SHOULD/ HAVE TO+ V<sub>o</sub></b>	<b>CAN/ MAY/ MUST/ SHOULD/ HAVE TO+ BE+ P.P</b>	
	Non <i>should write</i> a letter.	A letter <i>should be written</i> (by Non).	

## CÁCH LÀM BÀI TẬP

## I. XÉT CHỦ ĐỘNG- BỊ ĐỘNG KẾT HỢP 2 CÁCH

- Chủ động: Chủ ngữ tự thực hiện hành động
  - Bị động: Được ai đó làm hành động
- Xét chủ ngữ là người hay vật:
  - Người, tổ chức **thường** mang nghĩa chủ động
  - Vật **thường** mang nghĩa bị động.

Ex 1: Whether you \_\_\_\_\_ discussions or are new to leading discussions, we trust that this guide will be helpful.

- |                   |                   |   |                        |
|-------------------|-------------------|---|------------------------|
| (A) has been led  | ✓ lead discussion | : | đẫn dắt cuộc thảo luận |
| (B) have been led | ✓ trust           | : | tin tưởng              |
| (C) has led       | ✓ guide           | : | hướng dẫn              |
| (D) have led      |                   |   |                        |

Ex 2: Even though construction \_\_\_\_\_ by unexpected electrical storms, the new office building was still finished in a timely manner.

- |                     |                      |   |                   |
|---------------------|----------------------|---|-------------------|
| (A) interrupts      | ✓ construction       | : | việc xây dựng     |
| (B) to interrupt    | ✓ office building    | : | tòa nhà văn phòng |
| (C) was interrupted | ✓ in a timely manner | : | một cách kịp thời |
| (D) be interrupted  | ✓ interrupt          | : | gián đoạn         |

## II. MỌI LÀM NHANH

- Nếu phía sau chỗ trống có **DANH TỪ/ CỤM DANH TỪ/ TÂN NGỮ** => chia **CHỦ ĐỘNG**

- Nếu phía sau chỗ trống là **"BY/ TO V<sub>o</sub>/ GIỚI TỪ"** => chia **BỊ ĐỘNG** (luôn có p.p)

Ex 3: The falling price of Chinese-made electronics last year \_\_\_\_\_ a number of companies to plan innovations to their products.

- |             |                       |   |                      |
|-------------|-----------------------|---|----------------------|
| (A) causing | ✓ to plan innovations | : | lên kế hoạch đổi mới |
|-------------|-----------------------|---|----------------------|

- (B) causes    ✓ product    :                          sản phẩm
- (C) has caused    ✓ cause    :                          gây ra, làm cho
- (D) is caused

*Ex 4:* The newest prototype \_\_\_\_\_ to give the engineers at Nova Enterprises a marked advantage over their competition.

- (A) expects    ✓ newest prototype    :                          mẫu ban đầu mới nhất
- (B) is expected    ✓ a marked advantage    :                          một lợi thế đáng kể
- (C) expected    ✓ competition    :                          đối thủ cạnh tranh
- (D) had expected    ✓ expect    :                          mong chờ

III. - Một số động từ **thường** không sử dụng bị động:



result	inquire	operate	receive
--------	---------	---------	---------



meet	undergo	specialize
------	---------	------------

- Một số động từ **thường** sử dụng bị động:



<b>located, situated</b>	<b>enclosed, attached</b>
--------------------------	---------------------------

Ex: My house **is located** just a few minutes from the main station.



1. Last month, the manager \_\_\_\_\_ to the president that he hire a specialist to run the communication network.

- A. suggested
- B. suggest
- C. are suggesting
- D. suggestion

✓ hire (v): thuê, tuyển dụng

✓ specialist (N): chuyên gia

✓ run (v): quản lý

✓ communication network (N): mạng truyền thông

2. All red sticker items \_\_\_\_\_ discounted 50% for the next 20 minutes.

- A. had been
- B. will
- C. are being
- D. had

✓ item (N): hàng hóa

3. The most recent polls \_\_\_\_\_ that the use of broadband Internet connections is on the rise.

- A. shown
- B. show
- C. shows
- D. did showed

✓ poll (N): cuộc bỏ phiếu

✓ show (v): chỉ ra, cho thấy

4. We \_\_\_\_\_ Anna since last Saturday.

- A. don't see
- B. haven't seen
- C. didn't see
- D. hadn't seen

5. The train \_\_\_\_\_ half an hour ago.

A. has been leaving

B. left

C. has left

D. had left

6. I \_\_\_\_\_ Texas State University now.

- A. am attending
- B. attend
- C. was attending
- D. attended

7. Christopher Columbus \_\_\_\_\_ American more than 500 years ago.

- A. discovered
- B. has discovered
- C. had discovered
- D. had been discovering

8. I \_\_\_\_\_ to music in the room right now.

- A. am listening
- B. was listening
- C. have been listening
- D. listens

9. The president has \_\_\_\_\_ a new strategy to increase sales.

- (A) proposing
- (B) proposed
- (C) been proposed
- (D) propose

✓ strategy (N): chiến lược

✓ sales (N): doanh thu

✓ propose (v): đề xuất

10. The research and development budget has \_\_\_\_\_ substantially.

- (A) reduced
- (B) reduces



- (C) been reduced  
(D) be reduced  
✓ research and development budget (N): ngân sách nghiên cứu và phát triển  
✓ substantially (adv): một cách đáng kể  
✓ reduce (v): giảm
11. The new employee handbook was \_\_\_\_\_ to all employees.  
(A) distributed  
(B) distributing  
(C) distributes  
(D) distribute  
✓ distribute (v): phân phát
12. All teens and their friends are \_\_\_\_\_ for an end-of-the-summer ice cream party.  
(A) invite  
(B) invited  
(C) inviting  
(D) invites
13. All the food for the party will \_\_\_\_\_ along with cards and various games.  
(A) provide  
(B) provides  
(C) provided  
(D) be provided  
✓ along with: cùng với  
✓ provide (v): cung cấp
14. The e-mail addresses and telephone numbers should be \_\_\_\_\_ carefully in the blanks.  
(A) written  
(B) write  
(C) wrote  
(D) writing
15. A thank-you card has been \_\_\_\_\_ to Ms Non, the president of Non Non company, for her generous donation to the charity.  
(A) sends  
(B) send  
(C) sending  
(D) sent  
✓ generous donation (N): sự quyên góp hào phóng

- ✓ charity (N): việc từ thiện
16. Registration is \_\_\_\_\_ to join the event.  
(A) requiring  
(B) requires  
(C) require  
(D) required  
✓ Registration (N): việc đăng kí
17. Though a great deal of money had \_\_\_\_\_, the project was a failure.  
(A) invested  
(B) be invested  
(C) been invested  
(D) invest  
✓ project (N): dự án  
✓ failure (N): sự thất bại  
✓ invest (v): đầu tư
18. Because of a mechanical problem, the replacement parts could not \_\_\_\_\_ by tomorrow.  
(A) shipped  
(B) be shipped  
(C) be shipping  
(D) ship  
✓ mechanical problem (N): vấn đề kỹ thuật  
✓ replacement parts (N): bộ phận thay thế
19. Mr. David announced that the construction work was expected to be \_\_\_\_\_ early spring.  
(A) completed  
(B) completion  
(C) completes  
(D) completing  
✓ construction (N): việc xây dựng
20. Mr. Thomas and Ms. Vasquez \_\_\_\_\_ to work together on the market research project.  
(A) assigned  
(B) assigning  
(C) will assign  
(D) have been assigned  
✓ market research (N): nghiên cứu  
✓ assign (v): chỉ định